|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT THỦ ĐỨC****Năm học 2018 - 2019**---------------- | **ĐỀ KIỂM TRA HK1 - KHỐI: 12 (KHXH)****Môn: ĐỊA - Thời gian: 50 phút**----------------------------------- | **MÃ ĐỀ****301** |

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM *(7,5 điểm)***

**Câu 1.** Dựa vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 25, nhận xét nào sau đây **không đúng** về biểu đồ thể hiện “Khách du lịch và doanh thu từ du lịch” nước ta, năm 1995 - 2007?

 **A.** Tổng lượng khách du lịch tăng nhanh. **B.** Khách nội địa tăng chậm hơn khách quốc tế. **C.** Khách du lịch và doanh thu từ du lịch đều tăng. **D.** Khách nội địa chiếm tỉ trọng lớn.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

Để thể hiện bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

*(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** |
| Đồng bằng sông Hồng | 24,1 | 27,3 | 29,1 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 47,7 | 52,4 | 56,3 |

 **A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ miền. **D.** Biểu đồ đường.

**Câu 3.** Từ Hà Nội, hoạt động công nghiệp với chuyên môn hóa về thủy điện là hướng

 **A.** Hải Phòng – Hạ Long – Cẩm Phả. **B.** Hòa Bình – Sơn La. **C.** Đáp Cầu – Bắc Giang. **D.** Nam Định – Ninh Bình – Thanh Hóa.

**Câu 4.** Dựa vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 24, nhận xét nào sau đây **không đúng** về biểu đồ “Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước phân theo thành phần kinh tế” từ 1995 – 2007?

 **A.** Khu vực Nhà nước tăng chậm. **B.** Tổng mức bán lẻ của ba khu vực đều tăng. **C.** Khu vực ngoài Nhà nước tăng khá nhanh. **D.** Khu vực có vố đầu tư nước ngoài giảm tỉ trọng.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

SẢN LƯỢNG CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2014** | **2015** |
| Than (triệu tấn) | 44,8 | 42,1 | 41,1 | 41,5 |
| Dầu thô (triệu tấn) | 15,0 | 16,7 | 17,4 | 18,7 |
| Điện (tỉ kwh) | 91,7 | 115,1 | 141,3 | 157,9 |

 **A.** Biểu đồ cột. **B.** Biểu đồ miền. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ tròn.

**Câu 6.** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vùng công nghiệp?

 **A.** Gồm nhiều điểm công nghiệp, khu công nghiệp và trung tâm công nghiệp. **B.** Ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống. **C.** Là vùng lãnh thổ rộng lớn. **D.** Các xí nghiệp có mối liên hệ sản xuất chặt chẽ.

**Câu 7.** Theo cách phân loại hiện hành, nước ta có các nhóm ngành công nghiệp

 **A.** công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ. **B.** khai thác, chế biến, sản xuất và phân phối điện khí đốt, nước. **C.** khai thác, công nghiệp nhẹ. **D.** sản xuất điện và nước, công nghiệp nặng.

**Câu 8.** Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta **không phải** là ngành

 **A.** có thế mạnh lâu dài. **B.** chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm. **C.** tác động mạnh mẽ đến việc phát triển các ngành khác. **D.** mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 9.** Tiềm năng thủy điện lớn nhất của nước ta tập trung chủ yếu trên

 **A.** hệ thống sông Mã, sông Cả. **B.** hệ thống sông Hồng, sông Đồng Nai. **C.** hệ thống sông Xê Xan, sông XrêPôc. **D.** hệ thống sông Mê Kông, sông Đồng Nai.

**Câu 10.** Theo qui hoạch của Bộ Công nghiệp (2001), cả nước được phân thành

 **A.** 5 vùng công nghiệp. **B.** 3 vùng công nghiệp. **C.** 6 vùng công nghiệp. **D.** 4 vùng công nghiệp.

**Câu 11.** Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta là

 **A.** cơ cấu ngành đơn điệu. **B.** cơ cấu ngành da dạng. **C.** phân bố phân tán ở nhiều vùng. **D.** tỉ trọng giá trị sản xuất thấp.

**Câu 12.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về ngành công nghiệp khai thác than?

 **A.** Sản lượng than sạch khai thác được ngày càng tăng. **B.** Địa bàn khai thác than chủ yếu là tỉnh Quảng Ninh. **C.** Than nâu tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Than là nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc.

**Câu 13.** Điểm khác biệt cơ bản của Khu công nghiệp tập trung với Điểm công nghiệp là

 **A.** phân bố không đồng đều theo lãnh thổ. **B.** sản phẩm chủ yếu để phục vụ xuất khẩu. **C.** có ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống. **D.** phân bố gần nguồn nguyên liệu.

**Câu 14.** Trung tâm công nghiệp nào dưới đây có ý nghĩa vùng ở nước ta?

 **A.** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. **B.** Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ. **C.** Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. **D.** TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội.

**Câu 15.** Vùng chiếm ½ giá trị sản sản xuất công nghiệp của cả nước là

 **A.** Đông Nam Bộ. **B.** Trung du và miền núi phía Bắc. **C.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng Sông Hồng.

**Câu 16.** Các khu công nghiệp tập trung của nước ta phân bố nhiều nhất ở

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải miền Trung. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 17.** Dựa vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 21, cho biết vùng kinh tế nào sau đây xây dựng nhiều nhà máy thủy điện nhất?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 18.** Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam là

 **A.** gỗ, than và dầu. **B.** than và dầu. **C.** dầu và khí tự nhiên. **D.** than và khí tự nhiên.

**Câu 19.** Những vùng Trung du và miền núi nước ta, sự phát triển công nghiệp còn nhiều hạn chế là do

 **A.** thiếu đồng bộ về các điều kiện phát triển công nghiệp. **B.** tài nguyên thiên nhiên không phong phú. **C.** nguồn năng lượng không đủ cho sản xuất. **D.** vị trí địa lí khó trao đổi với các vùng khác.

**Câu 20.** Sự phân bố các ngành công nghiệpchế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta phụ thuộc chủ yếu vào các nhân tố

 **A.** nguyên liệu, lao động và thị trường. **B.** trình độ chuyên môn kĩ thuật của nguồn lao động. **C.** vốn đầu tư trong và ngoài nước. **D.** địa hình, khí hậu và nguồn nước.

**Câu 21.** Dựa vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 21, tỉnh nào sau đây của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp so với cả nước lớn nhất?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Lạng Sơn. **C.** Hà Giang. **D.** Cao Bằng.

**Câu 22.** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất là

 **A.** điểm công nghiệp. **B.** khu công nghiệp. **C.** vùng công nghiệp. **D.** trung tâm công nghiệp.

**Câu 23.** Đây là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay

 **A.** sành - sứ - thuỷ tinh. **B.** luyện kim. **C.** chế biến gỗ và lâm sản. **D.** hoá chất - phân bón - cao su.

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

Hãy tính tỉ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế nước ta, năm 1996 và 2005?

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO

 THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1996 -2005

*(Đơn vị: tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **1996** | **2005** |
| Nhà nước | 74 161 | 249 085 |
| Ngoài Nhà nước | 35 682 | 308 854 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 39 589 | 433 110 |
| **Tổng** | **149 432** | **991 049** |

 **A.** 26,5%; 43,7%. **B.** 23,9%; 31,2%. **C.** 43,7%; 31,2%. **D.** 26,5%; 23,9%.

**Câu 25.** Dựa vào bản đồ “Du lịch” của Atlat Địa lí Việt Nam, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có di sản thiên nhiên thế giới?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long. **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 26.** Dựa vào yếu tố nào để phân chia thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm công nghiệp rất lớn?

 **A.** Cơ cấu công nghiệp đa ngành. **B.** Vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất. **C.** Vai trò của trung tâm công nghiệp. **D.** Giá trị sản xuất công nghiệp.

**Câu 27.** Công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi của nước ta thường phân bố ở

 **A.** khu vực miền núi. **B.** các vùng nông thôn. **C.** khu vực cao nguyên. **D.** các đô thị lớn.

**Câu 28.** Các nhà máy thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ vì

 **A.** nguồn nhân lực cho thủy điện có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao. **B.** nguồn tài nguyên khoáng sản, năng lượng dồi dào. **C.** dân cư đông, nhu cầu tiêu thụ điện lớn. **D.** nhiều sông lớn, chảy trên vùng địa hình đồi núi cho nguồn thủy năng lớn.

**Câu 29.** Cho bảng số liệu:

Để thể hiện cơ cấu xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 1990 – 2005, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2005

 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **1992** | **1995** | **1999** | **2005** |
| Nhập khẩu | 53,4 | 49,6 | 59,9 | 50,4 | 53,1 |
| Xuất khẩu | 46,6 | 50,4 | 40,1 | 49,6 | 46,9 |

 **A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ miền.

**Câu 30.** Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

 **A.** thủy điện, điện nguyên tử. **B.** thủy điện, điện gió. **C.** nhiệt điện, điện gió. **D.** nhiệt điện, thủy điện.

**B. PHẦN** **TỰ LUẬN** ***(2,5 điểm)***

Dựa vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 24, 25 và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích hoạt động nhập khẩu của nước ta trong thời kỳ Đổi mới. Tại sao trong những năm qua, nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu? ***(1,5 điểm)***
2. Kể tên các di sản văn hóa thế giới và trung tâm du lịch của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. ***(1,0 điểm)***

**--- Hết ---**

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam* *do nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến 2018.*